**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**CHỦ ĐỀ: PHÉP NHÂN – PHÉP CHIA**

**TUẦN 21: BÀI : PHÉP CHIA (TIẾT 1)**

**( Sách Chân trời sáng tạo – SGK trang 18, 19)**

1. **MỤC TIÊU:**

1. Năng lực:

1.1. Năng lực đặc thù:

* Nhận biết:
* Ý nghĩa của phép chia: tương ứng với thao tác chia đều trong cuộc sống.
* Dấu chia.
* Thuật ngữ thể hiện phép chia: Chia đều.

- Thao tác trên đồ dung học tập: chia thành các phần bằng nhau, chia theo nhóm

 - Tư duy và lập luận toán học: Nhận biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia trên các trường hợp cụ thể. Tính được kết quả phép chia dựa vào phép nhân tương ứng.

 - Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Làm quen bài toán về ý nghĩa của phép chia, bước đầu phân biệt với bài toán về ý nghĩa của phép nhân.

1.2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết

cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

1. Phẩm chất:

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY – HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- Sách Toán lớp 2; bộ thiết bị dạy toán; ………

**2. Học sinh:**

- Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’**  | **1. Hoạt động 1: Khởi động:**\* **Mục tiêu:** Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.**\* Phương pháp***:* Trò chơi.**\* Hình thức:** Cả lớp+ND: cho học sinh thi đua đọc thuộc nối tiếp nhau đọc thuộc bảng nhân 2, 5.- Yêu cầu HS làm bảng con bài toán: 1 nhóm 4 bạn, mỗi bạn có 3 cái kẹo. Hỏi có tất cả bao nhiêu cái kẹo?- GV: Viết phép nhân 3 X 4 = 12 ở góc bảng lớp và nói: “4 bạn, mỗi bạn 3 cái kẹo, có tất cả 12 cái kẹo”- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: ***Phép chia ( Tiết 1)*** | - HS tham gia chơi.**-** HS thực hiện |
| **25’** | 2. Hoạt động 2: Chia thành các phần bằng nhau**\* Mục tiêu:** - Nắm được ý nghĩa của phép chia: tương ứng với thao tác chia đều trong cuộc sống.- Nhận biết được phép chia.**\* Phương pháp:** Trực quan, đàm thoại, thực hành, thảo luận **\*Hình thức:** Cá nhân, nhóm.**a) Hình thành phép chia**- GV đọc bài toán dẫn nhập: “Chia đều 12 cái kẹo cho 4 bạn. Mỗi bạn được mấy cái kẹo?”, vừa đọc GV vừa gắn 12 khối lập phương lên bảng (vị trí các khối lập phương không ngay hàng).***-*** GV chia nhóm 4, yêu cầu HS thực hiện chia 12 khối lập phương chia đều cho 4 bạn trong nhóm.- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả và nêu cách chia trong nhóm- GV thao tác với các khối lập phương trên bảng.- GV giới thiệu phép chia:* 12 cái kẹo chia đều cho 4 bạn, mỗi bạn được 3 cái kẹo.
* Ta có phép chia 12 : 4 = 3 (GV viết lên bảng lớp).
* GV chỉ vào phép chia, giới thiệu cách đọc

- Mời 2- 3 HS đọc phép chia* GV giới thiệu dấu chia.

- Giới thiệu mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia. 3 x 4 = 12 1. : 4 = 3

- GV chỉ vào từng phép tính, nói lại các tình huống xảy ra phép tính:\* 4 bạn, mỗi bạn 3 cái kẹo, có tất cả 12 cái kẹo.Ta có: 3 x 4 = 12 (3 x 4 = 3 + 3 + 3 + 3)\* Chia đều 12 cái kẹo cho 4 bạn, mỗi bạn được 3 cái kẹo.Ta có: 12 : 3 = 4- GV chốt:**b) Thực hành bài toán chia thành các phần bằng nhau:**Bài 1/119 ( Thực hành): - Mời HS đọc yêu cầu bài- Yêu cầu HS xác định “phần đã cho” và “phần bài toán hỏi”- GV mời HS thực hiện theo nhóm 2, thao tác trên khối hình lập phương và viết phép tính vào bảng nhóm.- Mời các nhóm trình bày kết quả và nêu cách tính.- GV nhận xét:\* Chia đều 10 cái bánh cho 5 bạn, mỗi bạn được 2 cái bánh.Ta có: 10 : 5 = 2- GV hỏi: 5 bạn, mỗi bạn 2 cái bánh, có tất cả … cái bánh?- GV nêu : 5 bạn, mỗi bạn 2 cái bánh, có tất cả 10 cái bánh.\* Ta có: 2 x 5 = 10- GV chốt: Mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia. | - Học sinh quan sát.- HS thực hiện trong nhóm.- Đại diện nhóm trình bày – nhận xét- HS theo dõi- HS thực hiện- HS lắng nghe- HS đọc- HS nêu- HS thực hiện- HS trình bày – nhận xét- HS lắng nghe- HS nêu phép tính – kết quả |
| **5’** |  **Hoạt động 4 : Củng cố** **\* Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.**\* Phương pháp:** Thực hành **\* Hình thức***:* trò chơi.- Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi: Ai nhanh – Ai đúng - GV nhận xét, tuyên dương.- Dặn dò Học sinh về nhà luyện chia các nhóm đồ vật thành các phần bằng nhau. | **-** Học sinh thi đua 2 đội tiếp sức:Nhẩm tính một số phép tính sau: 4 x 2 = .... ... : 2 = 4 3 x 5 =.... .... : 3 = 55 x 6 =.... 30 : 6 =.... |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**CHỦ ĐỀ: PHÉP NHÂN – PHÉP CHIA**

**TUẦN 21: BÀI : PHÉP CHIA (TIẾT 2)**

**( Sách Chân trời sáng tạo – SGK trang 18, 19)**

1. **MỤC TIÊU:**

1. Năng lực:

1.1. Năng lực đặc thù:

* Nhận biết:
* Ý nghĩa của phép chia: tương ứng với thao tác chia đều trong cuộc sống.
* Dấu chia.
* Thuật ngữ thể hiện phép chia: Chia đều.

- Thao tác trên đồ dung học tập: chia thành các phần bằng nhau, chia theo nhóm

 - Tư duy và lập luận toán học: Nhận biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia trên các trường hợp cụ thể. Tính được kết quả phép chia dựa vào phép nhân tương ứng.

 - Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Làm quen bài toán về ý nghĩa của phép chia, bước đầu phân biệt với bài toán về ý nghĩa của phép nhân.

1.2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết

cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

1. Phẩm chất:

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY – HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- Sách Toán lớp 2; bộ thiết bị dạy toán; ………

**2. Học sinh:**

- Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’**  | **1. Hoạt động 1: Khởi động:**\* **Mục tiêu:** Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.**\* Phương pháp***:* Trò chơi.**\* Hình thức:** Cả lớp+ ND: cho học sinh thi đua đọc thuộc nối tiếp nhau đọc thuộc bảng chia 2, 5.- Yêu cầu HS làm bảng con bài toán: Có 10 cái kẹo, chia cho 2 bạn. Hỏi mỗi bạn được bao nhiêu cái kẹo?- Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.- Giới thiệu bài và ghi đầu bài lên bảng: ***Phép chia (tiết 2)*** | - HS tham gia chơi.**-** HS thực hiện |
| **25’** | Hoạt động 2: Chia theo nhóm**\* Mục tiêu:** - Nhận biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia trên các trường hợp cụ thể. Tính được kết quả phép chia dựa vào phép nhân tương ứng.**\* Phương pháp:** Trực quan, thực hành **\* Hình thức**: Cá nhân, nhóm**a) Hình thành phép chia**:- GV đọc bài toán dẫn nhập: “Có 12 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 3 cái. Hỏi có mấy bạn được chia kẹo?”- GV gắn 12 khối lập phương lên bảng. - GV cho HS làm theo nhóm 4- GV mời đại diện nhóm trình bày – nhận xét- GV nhận xét và thao tác với các khối lập phương trên bảng.- GV giới thiệu phép chia:* 12 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 3 cái. Có 4 bạn được chia.
* Ta có phép chia 12:3 = 4
* GV chỉ vào phép chia, giới thiệu cách đọc và cho HS đọc nhiều lần.

- GV chốt: mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia.- Từ một phép nhân ta có thể lập được 2 phép chia tương ứng3 x 4 = 12 12 : 4 = 3 12 : 3 = 4**b) Thực hành bài toán chia theo nhóm:**Bài 2/ 19 (Thực hành):**-** Mời HS đọc đề bài- Yêu cầu HS xác định “phần đã cho” và “phần bài toán hỏi”- GV mời HS thực hiện theo nhóm 2, thao tác trên khối hình lập phương và viết phép tính vào bảng nhóm: Viết phép chia và viết phép nhân tương ứng.- Mời các nhóm trình bày kết quả và nêu cách tính.**-** GV nhận xét – chốt bài* GV giúp HS dựa vào hai phép tính, nói các tình huống:

 Có 10 cái bánh, chia cho mỗi bạn 2 cái bánh. Có 5 bạn được chia. 5 bạn, mỗi bạn 2 cái bánh, có tất cả 10 cái bánh.**-** GV nhận xét – chốt bài**:** Mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia.2 x 5 = 10 10 : 2 = 5 10 : 5 = 2 | - HS lắng nghe – quan sát- HS thực hiện nhóm: dùng 12 khối lập phương, chia lần lượt 4 lần, mỗi lần chia cho mỗi bạn 3 khối lập phương.- HS trình bày – nhận xét- HS lắng nghe- HS đọc- HS ghi nhớ- HS đọc- HS nêu- HS thực hiện10 : 5 = 22 x 5 = 10- HS trình bày – nhận xét |
| **5’** |  **Hoạt động 4 : Củng cố** **\* Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.**\* Phương pháp:** Thực hành **\* Hình thức***:* trò chơi.- Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi: Ai nhanh – Ai đúng - GV nhận xét, tuyên dương.Dặn dò Học sinh về nhà luyện chia các nhóm đồ vật thành các phần bằng nhau. | **-** Học sinh thi đua 2 đội tiếp sức:Nhẩm tính một số phép tính sau: 6 x 2 = ? 12 : 2 = ? 12 : 6 = ? |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**CHỦ ĐỀ: PHÉP NHÂN – PHÉP CHIA**

**TUẦN 21: BÀI : PHÉP CHIA (TIẾT 3)**

**( Sách Chân trời sáng tạo – SGK trang 20, 21)**

**I .** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

**\* Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động nhóm.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

- Năng lực mô hình hóa toán học.

\* **Năng lực đặc thù:**

+ Tư duy và lập luận toán học:

- Nhận biết được phép chia.

- Biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia ,từ phép nhân viết thành 2 phép chia**.**

+ Giao tiếp toán học: Trình bày, trao đổi được về các vấn đề trong bài.

**2. Phẩm chất:**

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY – HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- Sách Toán lớp 2; bộ thiết bị dạy toán; ………

 **2. Học sinh:**

- Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’**  | **1. Hoạt động 1: Khởi động:**\* **Mục tiêu:** Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.**\* Phương pháp***:* Trò chơi.**\* Hình thức:** Cả lớp- Tổ chức trò chơi: điều hành trò chơi: ***Đố bạn biết*** +Nội dung chơi: đưa ra phép nhân để bạn nêu phép chia tương ứng:4 x 3 = 12 5 x 4 = 20 (…)- Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương học sinh.- Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng | - HS tham gia chơi.**-** HS thực hiện |
| **20’** | **2. Hoạt động 2: Thực hành:** **\* Mục tiêu:**- Nhận biết được phép chia.- Biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia, từ phép nhân viết thành 2 phép chia**.****\* Phương pháp:** Thực hành, vấn đáp, giải quyết vấn đề.**\* Hình thức:** Cả lớp, nhóm **\* Cách tiến hành:****\***GV giao nhiệm vụ học tập cho HSBài 1:- Mời 1 HS đọc yêu cầu bài* GV Phân tích mẫu – Đặt câu hỏi:
* Có mấy hàng xe? (4 hàng)
* Mỗi hàng có mấy xe? (6 xe)
* Cái gì lặp lại? (6 xe)
* Số xe được lấy mấy lần? (Số xe được lấy 4 lần)

- Mời HS nêu phép tính tìm số xe có tất cả?1. X 4 = 24)

- Yêu cầu HS đọc hai phép chia tương ứng từ phép nhân trên. (24 : 4 = 6, 24 : 6 = 4).- GV nhận xét- GV hướng dẫn HS dựa vào ba phép tính, nói các tình huống:+ Có 4 hàng xe, mỗi hàng 6 xe, có tất cả 24 xe. + Xếp đều 24 xe thành 4 hàng, mỗi hàng có 6xe.+ 24 xe, xếp mỗi hàng 6 xe, có 4 hàng. - GV chia nhóm bốn: Mời HS tìm hiểu yêu cầu của bài, nhận biết:* Dựa vào hình ảnh, viết phép nhân thích hợp.
* Dựa vào phép nhân, viết hai phép chia tương ứng.
* Mời HS thực hiện bài câu a, b vào vở.
* Mời các nhóm trình bày kết quả.
* GV nhận xét – chốt: Mối quan hệ của phép nhân và phép chia.

\* Lưu ý: Khi sửa bài, khuyến khích HS nói theo phân tích mẫu.**Bài 2:**- Mời hs đọc yêu cầu bài - Yêu cầu HS trong nhóm tự tìm hiểu và làm bài vào vở.- Tổ chức sửa bài - GV nhận xét\* Lưu ý: Khi sửa bài, khuyến khích HS nói tình huống phù hợp với phép tính.Chẳng hạn:* 7 X 8 = 56 ► Có 8 bạn, mỗi bạn có 7 cái kẹo, có tất cả 56 cái kẹo.
* 56: 8 = 7 ► Chia đều 56 cái kẹo cho 8 bạn, mỗi bạn được 7 cái kẹo.
* 56: 7 = 8 ► Có 56 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 7 cái, có 8 bạn được chia.

**Bài 3:**- Mời hs nêu yêu cầu của bài- GV phân tích mẫu.* Để biết 20 chia 5 bằng mấy.
* Ta nhẩm xem 5 nhân mấy bằng 20 (5 X 4 = 20).
* Vậy 20 chia 5 bằng 4.

- Mời HS thực hiện bài làm bài vào vở.- Tổ chức cho HS sửa bài- GV nhận xét – chốt bài\* Lưu ý: Khi sửa bài, lưu ý HS nói cách nhẩm.**THƯ GIÃN**: 1 phút- Tổ chức trò chơi: **Rùa về đích** - Các phép tính trong bảng là các phép nhân trong bảng nhân 2 và nhân 5. Nhiệm vụ hs phải tìm được các phép nhân, chia đúng để giúp Rùa về được nhà.- Tổ chức hs thi đua tiếp sức.- GV nhận xét**Bài 4:** - Mời hs đọc đề bài và phân tích đề bài câu a, b- GV hướng dẫn tóm tắt bài toán- GV yêu cầu HS thực hiện giải bài toán a,b- GV tổ chức sửa bài và nhận xét.Bài 5:GV nêu yêu cầu- GV tổ chức Trò chơi: Đua xe- Tổ chức các nhóm làm vào phiếu, nhóm nào làm nhanh nhất sẽ chiến thắng.- GV sửa bài – nhận xét- GV chốt bài | - HS đọc- HS lắng nghe – trả lời- HS nêu – nhận xét- HS nêu- HS nói – nhận xét- HS thực hiện nhóm- HS trình bày – nhận xét- HS đọc- HS thực hiện nhóm- HS trình bày bài- HS nêu- HS cùng thực hiện- HS làm bài- HS thực hiện- HS lắng nghe- HS tham gia- HS đọc và phân tích đề- HS theo dõi- HS thực hiện- HS lắng nghe- HS thực hiện |
| **5’** |  **Hoạt động 4 : Củng cố** **\* Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.**\* Phương pháp:** Thực hành **\* Hình thức***:* trò chơi.- GV chia lớp thành hai đội A và B.+ Đội A viết một phép nhân trong bảng nhân 2 hoặc nhân 5, đội B đọc hai phép chia tương ứng.Ví dụ: 2x9=18 ► 18:9 = 218 : 2 = 9+ Đổi vai, đội B viết phép nhân đội A đọc phép chia.+ Sau khi mỗi đội viết một số phép nhân thì phân định thắng thua và cả lớp hoan nghênh. - GV nhận xét, tuyên dương.**\* Hoạt động thực tế:**+ GV nhắc nhở HS luôn có ý thức chia đều (đồ ăn, đồ chơi,...) cho mọi người. | **-** Học sinh thi đua 2 đội  |

**TUẦN 21**

*Thứ ngày tháng năm 2022*

***Kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 2***

**4. PHÉP NHÂN- PHÉP CHIA**

**BÀI 56: SỐ BỊ CHIA - SỐ CHIA - THƯƠNG ( SHS tr 22)**

**I. MỤC TIÊU:** **Sau bài học, học sinh:**

**1. Kiến thức**: Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính chia.

**2. Kĩ năng**: Phân biệt tên gọi các thành phần của phép cộng, trừ, nhân, chia.

**3. Thái độ**: Yêu thích môn học; cẩn thận, sáng tạo, hợp tác.

**4. Năng lực chú trọng**: Tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

**5. Phẩm chất**: Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**6. Tích hợp**: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: hình trực quan, trò chơi để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập, hoa Đ, S .

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC DẠY HỌC:**

 **1. Phương pháp dạy học**: Đàm thoại, trực quan, vấn đáp, giải quyết vấn đề, trò chơi.

 **2. Hình thức dạy học**: Cá nhân, nhóm, lớp.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động (3-5 phút):** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động.*\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi,..*\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên cho cả lớp chơi “Gió thổi”- GV nêu yêu cầu các con hãy thổi phép tính thích hợp của bài toán ra bảng con và đưa bài toán lên bảng:Chia đều 10 viên bi cho 5 bạn. Mỗi bạn được mấy viên bi? -GV nhận xét | - HS lấy bảng con, nghe yêu cầu thực hiện.- Học sinh cả lớp thực hiện trò chơi, viết phép tính ra bảng con.**10 : 5 = 2**-Học sinh nhận xét |
| **2. Bài học và thực hành (23-25 phút):** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nhận biết và gọi đúng tên các thành phần của phép chia. *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.*\* Cách tiến hành:* | image94 |
| ***2.1. Giới thiệu tên các thành phần của phép chia***- GV viết lại phép tính lên bảng lớp: 10 : 5 = 2- GV giới thiệu tên gọi các thành phần của phép chia (nói và viết lên bảng như SGK).-GV lần lượt chỉ vào 10,5,2, HS nói tên các thành phần: số bị chia, số chia, Thương.- GV nói tên các thành phần: số bị chia, số chia, Thương. **- GV chốt ý và nhấn mạnh 10 : 5 cũng gọi là Thương****Lưu ý HS, kết quả phép tính chia được gọi là Thương.** | - Học sinh quan sát phép tính trên bảng, nhận xét:  + 10: số bị chia + 5: số chia + 2: Thương- Học sinh quan sát, lắng nghe, ghi nhớ. - HS lặp lại nhiều lần. |
| ***2.2. Thực hành*** |  |
| Bài 1-Gọi tên các thành phần của phép chia.-Lưu ý: Khi sửa bài, ngoài các phép chia như trong SGK (1/22) , GV nên đưa thêm một số phép chia khác. Chẳng hạn: 20 : 4 = 5, 15 : 3 = 5, 12 : 2 = 6,...-Viết phép chia: 35 : 5 = 735 là số bị chia5 là số chia7 là thương35 : 5 cũng là thương-GV yêu cầu học sinh thực hiện tương tự với phép tính: **10 : 2 = 5 24 : 4 = 6**-GV nhận xét phần trình bày của học sinh.\* Bài 2- Viết phép chia.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số bị chia | 30 | 18 | 24 |
| Số chia | 3 | 2 | 6 |
| Thương | 10 | 9 | 4 |

**30 : 3 = 10*** GV nêu yêu cầu, hướng dẫn HS thực hiện.
* GV nhận xét.

\* Bài 3- Trò chơi “ Kết bạn”.- Gv hướng dẫn luật chơi và cách chơi- Mỗi lượt chơi 6 bạn, các phép tính GV đã ghi vào thẻ từ.Ví dụ * GV nhận xét, chốt kiến thức.

GV lưu ý: Mỗi lần chơi giúp HS nhận biết: cùng một số, ở các vị trí khác nhau trong phép tính, sẽ có tên gọi khác nhau. | -HS (nhóm đôi) sử dụng SGK gọi tên các thành phần của các phép chia (theo mẫu).-HS thực hành nói cho nhau nghe và phát biểu trước lớp.HS nhận xét.-HS tìm hiểu bài: nhận biết mỗi cột trong bảng là các thành phần của một phép chia, cần viết các phép chia đó ra bảng con.Ví dụ: 30, 3 và 10 lần lượt là số bị chia, số chia và thương.Phép chia tương ứng là: 30 : 3 = 10.-Khi sửa bài, HS nên ghi vào phép chia đã viết và gọi tên các thành phần.Ví dụ:18:2 = 9**là số bị chia, 2 là số chia, 9 là thương**hình toán tr 22 HK2HS tham gia chơiNhận xét nhau |
| 3. Củng cố (3-5 phút): |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nhận biết và gọi đúng tên các thành phần của phép chia. *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* ôn tập, trò chơi.*\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên cho HS chơi trò chơi **Ô cửa bí mật**Trong 4 ô cửa có các phép tính cộng, trù, nhân, chia. HS mở ô cửa, nêu tên gọi của từng thành phần phép tính trong ô cửa HS mở được.- GV tuyên dương, nhận xét. | -HS tham gia chơi.Ví dụ: 10 + 2 + 12 9 – 3 = 6 2 x 5 = 10 14 : 2 = 7 |
| **4. Hoạt động ở nhà:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của học sinh ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em.*\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Tự học.*\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh yêu cầu 2/22 cho cha mẹ xem. | **-** Học sinh thực hiện ở nhà. |

**\* RÚT KINH NGHIỆM, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG:**

………………………..……………………………………………………………

………………………..……………………………………………………………

………………………..……………………………………………………………

………………………..……………………………………………………………